

Tổng luận đặc điểm và thành tựu triết học Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195 14:30 25/09/2025

Triết học Phật giáo Việt Nam từ đầu Công nguyên đến hết thời Trần là một dòng chảy tư tưởng sôi động, sáng tạo và đầy bản lĩnh, đã vượt qua khuôn khổ của một tôn giáo nhập cảng để trở thành một bộ phận hữu cơ, góp phần định hình diện mạo văn hóa và tinh thần dân tộc Việt.

** Tổng luận những đặc điểm và thành tựu Triết Học Phật Giáo Việt Nam hai ngàn năm.*

1. Dẫn nhập

Việt Nam ta là một thực thể địa lý thuộc khu vực Đông Nam Á, tương tự Lào và Myanmar là hai quốc gia Đông Nam Á khác cũng có biên giới chung với Trung Hoa. Thế nhưng về mặt văn hoá, Việt Nam lại thuộc khu vực Đông Á và chịu ảnh hưởng Trung Hoa, trong khi Lào và Myanmar cũng như hầu hết các quốc gia Đông Nam Á khác chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ.



Hình minh họa tạo bởi AI.

Nguyên nhân là ở cuối thế kỷ III trước Tây lịch, đang lúc người Việt cố gắng xây dựng một thực thể chính trị tự chủ phát triển trên nền tảng văn hoá Đông Sơn thì vùng đất phát tích của họ rơi vào tầm ngắm của nhà Tần bên Trung Hoa, dẫn đến các cuộc chinh phạt của Đồ Thư rồi Triệu Đà, khiến các đồng bằng sông Hồng và đồng bằng Thanh Nghệ Tĩnh trở thành vùng đất “ki-mi” đối với các triều đại Trung Hoa, kéo dài từ thế kỷ II trước Tây lịch đến khoảng gần hết nửa đầu thế kỷ X.

Trước thế kỷ V tây lịch Việt Nam còn là một trong những điểm đến được ưa chuộng của thương nhân qua lại trên con đường giao thương hàng hải quốc tế nối liền các thị trường lớn La Mã-Ấn Độ-Trung Hoa, khởi động bởi nhu cầu tiêu thụ khoa trương của giới quý tộc La Mã ngay khi đế quốc này hình thành hồi thế kỷ I trước tây lịch; nhờ vậy, người Việt Nam lúc bấy giờ cũng đã tiếp xúc với văn hoá Ấn thông qua các thương gia Ấn và các tăng sĩ Ấn dừng chân tại Luy Lâu; cũng từ đó, người Việt tiếp cận văn hoá Phật giáo.

Với ý thức bảo vệ văn hoá dân tộc trước áp lực đồng hoá của người láng giềng phương Bắc, người Việt đã chủ động học tập văn hoá Phật giáo, thẩm nhuần triết học Phật giáo và đã có nhận thức về triết học Phật giáo trên nền tảng tín ngưỡng văn hoá gốc của người Việt, nghĩa là có nguồn gốc của tín ngưỡng văn hoá Đông Sơn được nâng lên sau khi đã tiếp thu có chọn lọc cả văn hoá Hoa và văn hoá Ấn.

Người Việt tiếp thu văn hoá Phật giáo và triết học Phật giáo theo nhiều giai đoạn khác nhau.

Có thể xác định rằng ngay từ ban đầu khi mới biết đến Phật giáo, người Việt đã thực tâm cố gắng nghiên cứu cả về lý thuyết lẫn thực hành. Việc nghiên cứu ấy hoàn toàn tùy thuộc vào những gì được truyền thụ, không loại trừ tình trạng nội dung truyền thụ mang tính ngẫu nhiên do sự hạn chế về không gian và thời gian cũng như không theo một chương trình có hoạch định.

Sau thế kỷ V, hoạt động giao thương hàng hải quốc tế không còn sầm uất, Phật tử Việt Nam ít có điều kiện tiếp xúc với Tăng sĩ Ấn trong khi Phật giáo Trung Hoa bắt đầu phát triển rực rỡ; bấy giờ Phật tử Việt Nam lại tiếp tục tìm học về Phật giáo từ những vị thầy Trung Hoa vì họ nhận biết rằng Phật giáo Trung Hoa cũng chứa đựng hương vị giải thoát. Ngay cả nội dung Nho giáo và Lão giáo vốn là văn hoá bản địa của người Trung Hoa, khi được diễn giải qua lăng kính Phật giáo Trung Hoa, cũng có phần thanh thoát hơn.

Từ thế kỷ XII, Phật giáo đã có những lúc suy thoái ngay ở nơi phát tích. Trong giai đoạn có cọ xát về mặt văn hoá Đông Tây từ thế kỷ XV, sự thắng thế về mặt

kỹ thuật và công nghệ của phương Tây đã tạo điều kiện cho tư tưởng, triết học và tôn giáo độc thần xâm nhập xã hội phương Đông. Các bậc hiền giả châu Á cảm thấy cần phải làm rõ sự minh triết chứa đựng trong nền văn hoá của họ. Ở những môi trường chọn lọc, đã có những nhà văn hoá phương Tây lắng nghe và tìm hiểu sâu văn hoá phương Đông được truyền giảng bởi các nhà hiền triết phương Đông, trong đó có nhiều vị là các nhà sư Phật giáo.

Giữa thế kỷ XIX, giới học thuật phương Tây bắt đầu nhận biết giá trị thực của Phật giáo và đã có những công trình nghiên cứu nghiêm túc về triết học Phật giáo. Từ thế kỷ XX, Phật tử Việt Nam vừa tiếp thu những kết quả nghiên cứu Phật giáo và Triết học Phật giáo của phương Tây, vừa có đóng góp vào việc phát triển giá trị triết học Phật giáo trên thế giới.

2. Đặc điểm và thành tựu Triết học Phật giáo Việt Nam từ đầu Công nguyên đến hết thời Trần

Có thể nói triết học Phật giáo Việt Nam giai đoạn từ đầu Công nguyên đến hết thời Trần (thế kỷ XIV) là một hành trình hình thành, phát triển rục rờ và đạt đến đỉnh cao, để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử tư tưởng dân tộc. Đây là quá trình tiếp biến sáng tạo từ nền tảng Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa, hòa quyện với tín ngưỡng bản địa và đáp ứng nhu cầu tinh thần, chính trị - xã hội của dân tộc trong suốt hơn một thiên niên kỷ, đặc biệt là thời kỳ xây dựng và bảo vệ nền độc lập tự chủ dân tộc

2.1. Tính dung hợp văn hóa sâu sắc

Phật giáo Việt Nam sớm tiếp nhận cả hai nguồn ảnh hưởng chính: Phật giáo từ Ấn Độ (theo đường biển, mang tính Mật tông, Đại thừa sơ kỳ) và Phật giáo từ Trung Hoa (theo đường bộ, chủ yếu là Thiền tông, Tịnh Độ tông), không cứng nhắc bám víu vào một tông phái nào.



(Ảnh: Internet)

- Hòa quyện với tín ngưỡng Bản địa: Yếu tố cốt lõi nhất. Triết lý Phật giáo nhanh chóng dung hợp với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu, thờ Thần (Thành hoàng, thần núi, thần sông), thờ Anh hùng dân tộc. Hình tượng "Bụt" (Phật) trong dân gian Việt gần gũi, thương người, cứu giúp người lương thiện, khác với hình tượng Phật uy nghiêm, siêu việt ở nhiều nơi khác. Triết lý "Từ bi" của Phật giáo kết hợp nhuần nhuyễn với đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Ân nghĩa" của dân tộc.

Không bài xích Nho, Lão - Trang: Trong khi ở Trung Hoa có sự cạnh tranh gay gắt, ở Việt Nam giai đoạn này, Phật giáo chủ yếu tồn tại hài hòa với các yếu tố Nho giáo, Đạo giáo sơ khai, tạo nên một nền tảng tâm linh - đạo đức tổng hợp cho xã hội. Các thiền sư thường am hiểu cả Nho, Lão.

2.2. Tính Nhập thế tích cực

Đồng hành cùng dân tộc: Đây là đặc điểm nổi bật nhất, khác biệt lớn so với nhiều quốc gia Phật giáo khác. Phật giáo không chỉ là con đường giải thoát cá nhân mà luôn đồng hành cùng dân tộc.

Các đại sư cao tăng thường là cố vấn tin cậy của triều đình vua quan như đại sư Pháp Thuận, Vạn Hạnh với Lê Hoàn, Lý Công Uẩn; Tuệ Trung Thượng Sĩ, Pháp Loa, Huyền Quang với các vua Trần. Họ góp phần định hướng chính sách đối nội, đối ngoại, củng cố tinh thần dân tộc. Việc dời đô về Thăng Long (1010) mang đậm dấu ấn tư tưởng Phật giáo và phong thủy.

Hộ quốc an dân: Trong các cuộc kháng chiến chống Tống, chống Nguyên Mông, tư tưởng "Cứu khổ cứu nạn" của Phật giáo biến thành lòng yêu nước, ý chí bảo vệ non sông. Các thiền sư tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp động viên tinh thần quân dân (Vua Trần Nhân Tông - Tổ sư Trúc Lâm là minh chứng sống động). Triết lý "Vô ngã" được hiểu và vận dụng như sự hy sinh vì đại nghĩa dân tộc.

2.3. Phật giáo giữ vị trí chủ đạo trong bản sắc văn hóa Việt

Từ thời Đinh - Tiền Lê, Thiền tông (đặc biệt là dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông) đã phát triển mạnh. Đến thời Lý - Trần, Thiền tông trở thành dòng tư tưởng triết học chủ lưu.

Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử, đỉnh cao của Triết học Phật giáo Việt Nam: Do Vua Trần Nhân Tông sáng lập, đây là thiền phái duy nhất do người Việt sáng lập, xu hướng Việt hóa và mang đậm bản sắc Việt.

Chủ thuyết "Cư trần lạc đạo": Phá vỡ sự cách biệt giữa xuất thế và nhập thế. Giải thoát không nằm ngoài cuộc sống hiện tại, ngay trong việc làm vua, làm quan, làm dân, lo việc nước, việc nhà mà vẫn giác ngộ. "Cư trần lạc đạo thả tùy duyên / Cơ tắc xan hề khốn tắc miên" (Ở đời vui đạo hãy tùy duyên / Đói đến thì ăn mệt ngủ liền).

Tinh thần "Hòa quang đồng trần": Người giác ngộ không tách biệt khỏi cộng đồng, sống giữa dân, gần dân, hiểu dân và phụng sự dân tộc. Vua Trần Nhân Tông sau khi xuất gia vẫn đi khắp nơi thuyết pháp, khuyến khích dân phá bỏ mê tín dị đoan, sống lành mạnh.

Tông chỉ "Phật tại tâm": Tư tưởng trực chỉ chân tâm kiến tính thành Phật nhấn mạnh Phật tính sẵn có trong mỗi người, khuyến khích sự tự tin, tự lực trên con đường tu tập, không quá phụ thuộc vào hình thức bên ngoài hay kinh điển giáo điều.

2.4. Xu hướng thực tiễn và đơn giản hóa nâng cao đạo đức xã hội

Triết lý Phật giáo được truyền bá và thực hành một cách giản dị, phù hợp với trình độ và đời sống của đại chúng bình dân. Các khái niệm sâu xa thường được diễn giải qua hình ảnh quen thuộc (hoa cỏ, trăng nước...).

Nhấn mạnh vào đạo đức ứng xử trong đời thường: Hiếu thảo, nhân nghĩa, từ bi, hỷ xả, lòng yêu nước thương nòi. Giáo lý "Tứ ân" (Ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn quốc gia, ơn Tam Bảo) được đề cao, trong đó "Ơn quốc gia" là điểm nhấn đặc biệt Việt Nam.

Chú trọng sự thực hành tu tập công phu thiền hành, chính niệm trong mọi hoàn cảnh, không nhất thiết phải lên núi cao rừng sâu.

3. Những thành tựu Tiêu biểu

3.1. Thành tựu về mặt tư tưởng - triết học

Hình thành và hoàn thiện một hệ thống Triết lý Phật giáo mang bản sắc Việt Nam, nhất là triết lý nhập thế hộ quốc an dân tích cực: "Cư trần lạc đạo", "Hòa quang đồng trần" của Thiền phái Trúc Lâm. Đây là sự sáng tạo độc đáo, đóng góp riêng có của Việt Nam vào tư tưởng Phật giáo thế giới.

Xác định quan niệm "Phật tại tâm": Khẳng định khả năng giác ngộ bình đẳng của mọi người, góp phần giải phóng tư tưởng, nâng cao lòng tự tin dân tộc.



Hình minh họa tạo bởi AI.

Kết hợp nhuần nhị giữ tu hành giác ngộ giải thoát và Nhập thế cứu đời hộ quốc an dân: Giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa đạo và đời, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa giác ngộ và phụng sự một cách sâu sắc và thực tiễn. Tạo nên một mẫu hình lý tưởng: Bậc chân nhân vừa giác ngộ giải thoát, vừa tích cực gánh vác việc đời, việc nước (Vua Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ).

Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức học Việt Nam nói chung, Phật giáo Việt Nam nói riêng: Dựa trên nền tảng Từ bi - Trí tuệ (Tình thương và Hiểu biết) của Phật giáo, dung hợp hài hòa với đạo lý truyền thống "Nhân nghĩa", "Hiếu trung", "Yêu nước", tạo thành hệ giá trị đạo đức xã hội vững chắc, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

3.2. Thành tựu về văn học - nghệ thuật

Sáng tác Thiền học: Một kho tàng văn hóa văn học đồ sộ và có giá trị lớn cho dân tộc và Phật giáo:

Các sách quý như: Thiền Uyển Tập Anh* (Đời Trần): Tác phẩm lịch sử - văn học - tư tưởng quan trọng nhất, ghi chép tiểu sử, hành trạng và tư tưởng của các thiền sư Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ XIII. Là nguồn tư liệu vô giá. Khóa Hư Lục (của Trần Thái Tông): Tác phẩm triết học - thực hành Thiền nổi tiếng, bàn về sự vô thường, khổ, không, phương pháp tu tập thiền định một cách thiết thực. Thượng sĩ ngữ lục của Tuệ Trung Thượng Sĩ, Cư trần lạc đạo phú của Trần Nhân Tông, Đoạn sách lục của Pháp Loa, Vịnh vân yên tử phú của Huyền Quang, Bích động thi xã của Trần Quang Triều...: Những bài thơ hàm súc, sâu lắng, thể hiện cái nhìn giác ngộ về cuộc đời, thiên nhiên, con người. Ví dụ: "Cư trần lạc đạo" (Trần Nhân Tông), các bài kệ của Tuệ Trung.

Kiến trúc - Điêu khắc: Hàng loạt công trình kiến trúc Phật giáo đồ sộ, độc đáo mang đậm dấu ấn Việt: Chùa Diên Hựu (Một Cột) - thời Lý, Tháp Bình Sơn, chùa Phổ Minh - thời Trần. Nghệ thuật điêu khắc tượng Phật, La Hán đạt đến đỉnh cao về thẩm mỹ và tinh thần (Tượng A Di Đà chùa Phật Tích, các tượng La Hán chùa Tây Phương...).

3.3. Thành tựu về Tổ chức Giáo hội và các thiền phái

Hệ thống Giáo hội: Phật giáo thời Lý - Trần có tổ chức giáo hội chặt chẽ, được triều đình bảo trợ. Các chức danh như Tăng thống, Quốc sư được thiết lập.

Sự ra đời của Thiền phái Thảo Đường thời Lý và Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử thời Trần:** Là thành tựu vĩ đại, đánh dấu sự trưởng thành và độc lập của Phật giáo Việt Nam. Thiền phái này thống nhất các dòng thiền trước đó, có hệ thống tổ chức rõ ràng (Tam Tổ: Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang), đường lối tu tập rõ ràng và có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống tâm linh, văn hóa, xã hội Đại Việt.

Triết học Phật giáo Việt Nam từ đầu Công nguyên đến hết thời Trần là một dòng chảy tư tưởng sôi động, sáng tạo và đầy bản lĩnh, đã vượt qua khuôn khổ của

một tôn giáo nhập cảng để trở thành một bộ phận hữu cơ, góp phần định hình diện mạo văn hóa và tinh thần dân tộc Việt. Với đặc điểm nổi bật là tính tổng hợp văn hóa, tinh thần nhập thế tích cực gắn bó máu thịt với vận mệnh đất nước, sự giản dị thực tiễn và đặc biệt là sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử với triết lý "Cư trần lạc đạo", triết học Phật giáo thời kỳ này đã đạt được những thành tựu rực rỡ cả về mặt tư tưởng, văn học, nghệ thuật và tổ chức. Đó không chỉ là ánh sáng tâm linh cho con người thời đại mà còn góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nền độc lập dân tộc, để lại một di sản tinh thần vô giá mà các thế hệ sau vẫn tiếp tục kế thừa và phát huy. Triết lý nhập thế, yêu nước, hòa hợp dân tộc của Phật giáo Trúc Lâm mãi mãi là một trong những đỉnh cao của tư duy triết học Việt Nam.

4. Những đặc điểm và thành tựu Triết học Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ XV đến nay

Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ XV đến nay là một hành trình đầy biến động, thích ứng và chuyển hóa sâu sắc trước những thay đổi lớn lao của lịch sử, chính trị, văn hóa và xã hội. Khác với đỉnh cao rực rỡ thời Lý - Trần, giai đoạn này chứng kiến sự suy giảm ảnh hưởng chính thống, sự hòa trộn phức tạp, rồi đến sự chấn hưng và tiếp tục phát triển với những hình thái mới, mang đậm dấu ấn của thời đại.



Hình minh họa tạo bởi AI.

4.1. Suy giảm Ảnh hưởng chính trường và dung hợp sâu sắc với Nho giáo, Tín ngưỡng bản địa

Thời Hậu Lê (XV - XVIII): Triều đình đề cao vai trò Nho giáo như hệ tư tưởng chính thống quản lý đất nước. Phật giáo mất vị thế chủ đạo, ít còn vai trò cố vấn chính sự quan trọng.

Dung hợp Tam Giáo trên thực tế: Phật giáo dù không còn vai trò chủ đạo trên chính trường nhưng thấm thấu sâu, lan tỏa rộng vào mọi mặt của đời sống dân gian, dung hợp mật thiết với Nho giáo và Đạo giáo (Lão giáo dân gian) cùng tín ngưỡng bản địa. Hình thành mô hình tín ngưỡng "Tiền Phật, Hậu Thánh" phổ biến. Triết lý Phật giáo được tiếp nhận chủ yếu qua lăng kính đạo đức ứng dụng (hiếu nghĩa, nhân quả, cứu khổ) và nghi lễ, hơn là tư duy siêu hình, giải thoát.

Tịnh Độ Tông và Mật Tông phát triển: Các tông phái chú trọng niệm Phật cầu vãng sinh (Tịnh Độ) và nghi lễ cầu an, giải hạn (Mật Tông) phát triển mạnh, phù hợp với nhu cầu tâm linh bình dân.

4.2. Giai đoạn đất nước chia cắt và nội chiến (XVI - XVIII)

Đàng Ngoài (chúa Trịnh): Phật giáo duy trì trong dân gian và một số chùa lớn, tiếp tục dung hợp. Một số thiền sư như Chân Nguyên (1647-1726) nỗ lực chấn hưng, khôi phục dòng thiền Trúc Lâm, biên soạn sách như Thiền Tông Bản Hạnh, Ngộ Đạo Nhân Duyên) nhằm lưu giữ tư tưởng Phật giáo.

Đàng Trong (Nguyễn): Phật giáo phát triển mạnh hơn, được các chúa Nguyễn hỗ trợ. Nhiều thiền sư Trung Hoa thuộc phái Tào Động, Lâm Tế di cư vào Nam, mang theo tư tưởng Thiền tông mới, hình thành các dòng thiền lớn ảnh hưởng đến tận ngày nay (Lâm Tế tông, Tào Động tông). Tư tưởng Thiền vẫn được duy trì nhưng chủ yếu trong giới tăng sĩ.

Tăng cường Tính dân gian : Triết lý Phật giáo thể hiện rõ qua văn hóa dân gian, lễ hội, tục thờ cúng, cách ứng xử đạo đức, tạo nên bản sắc riêng ở từng vùng miền.

4.3. Giai đoạn Chấn hưng và thích ứng với thời đại mới (XX - 1945)

Phong trào Chấn hưng Phật giáo: Trước nguy cơ suy đồi và ảnh hưởng văn hóa phương Tây, các bậc cao tăng và trí thức Phật tử (như HT. Khánh Hòa, HT. Huệ Quang, HT. Tố Liên, Thiền sư Mật Thể, Trần Trọng Kim, HT Thanh Hanh, HT Giác Tiên, cư sĩ Thiều Chửu, Tam Minh Lê Đình Thám...) khởi xướng phong trào chấn hưng mạnh mẽ trên cả nước.

Trở lại với Cốt lõi giáo lý và tư tưởng Phật giáo: Nhấn mạnh việc nghiên cứu kinh điển Phật giáo (Đại thừa, Bộ phái lẫn Nguyên thủy), khôi phục tinh thần Thiền học, đề cao đạo đức Phật giáo. Xuất bản tạp chí, thành lập hội, mở trường Phật học, đào tạo tăng tài, xây dựng chùa chiền

Dung hòa lý giải tư tưởng hiện đại và đối thoại: Bước đầu tiếp xúc và đối thoại với triết học phương Tây, khoa học. Tìm cách trình bày Phật pháp một cách khoa học, hợp lý hơn. Thiền sư Mật Thể với "Việt Nam Phật Giáo Sử Lược; Trần Trọng Kim với Phật giáo, Phật lục, sư Thiện Chiếu, Tâm Minh Lê Đình Thám... là những thành tựu quan trọng.

4.4. Nhập thế Tích cực trong kháng chiến vệ quốc và xây dựng đất nước (1945 - nay)

Tham gia và ủng hộ phong trào kháng chiến cứu nước: Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều tăng ni, Phật tử tích cực tham gia cứu nước dưới nhiều hình thức, nối tiếp truyền thống "Hộ quốc an dân". Tư tưởng "Tù binh", "Cứu khổ" được hiện thực hóa trong hành động yêu nước, bảo vệ độc lập dân tộc và hòa bình.

Phát triển trong hòa bình và đổi mới: Sau 1975, đặc biệt từ thời kỳ Đổi mới (1986), Phật giáo Việt Nam được tạo điều kiện hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Tư tưởng triết học tập trung vào:

Phục hưng giáo dục Phật học: Xây dựng hệ thống 4 Học viện, 35 trường Cao đẳng, Đại học Phật giáo, các trường Sơ cấp Phật học, gia giáo đào tạo tăng ni có trình độ Phật học.

Kết hợp tu học với phụng sự đất nước, xã hội: Phát triển mạnh các hoạt động từ thiện xã hội, bảo vệ môi trường, giáo dục đạo đức, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh. Triết lý nhập thế hộ quốc an dân được thể hiện rõ nét.

Hội nhập quốc tế: Tăng cường giao lưu, đối thoại với Phật giáo và học giả thế giới. Tiếp thu có chọn lọc các tư tưởng, phương pháp tu tập mới.

Nghiên cứu và diễn giải mới phù hợp với thời hiện đại:* Các học giả, tăng ni tiếp tục nghiên cứu, diễn giải tư tưởng Phật giáo dưới ánh sáng mới của khoa học, triết học hiện đại và bối cảnh toàn cầu hóa, nhấn mạnh đạo đức ứng dụng, sinh thái học Phật giáo, giải quyết khủng hoảng tinh thần hiện đại.

5. Những thành tựu tiêu biểu

5.1. Thành tựu về mặt tư tưởng - triết học

Duy trì và phát triển bản sắc trong tinh thần dung hợp: Khẳng định và phát triển mô hình Phật giáo dung hợp sâu sắc với văn hóa dân tộc, tạo nên sức sống bền bỉ trước mọi thăng trầm lịch sử.

Khôi phục và phát huy tư tưởng thiền: Công lao của các thiền sư thời Lê mạt và phong trào Chấn hưng trong việc giữ gìn, khôi phục tư tưởng Thiền, đặc biệt là Trúc Lâm. Các thiền sư hiện đại tiếp tục diễn giải và thực hành Thiền phù hợp với con người thời đại.

Kế thừa xây dựng triết lý nhập thế hiện đại: Phát triển mạnh mẽ tư tưởng Phật giáo dẫn thân (Engaged Buddhism), gắn đạo với đời một cách thiết thực trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, môi trường, hòa bình. Thiền sư Nhất Hạnh là biểu tượng quốc tế với tư tưởng "Đạo Bụt hiện đại", "Chánh niệm", "Tỉnh độ tại nhân gian", có ảnh hưởng sâu rộng trên bình diện thế giới.

Đối thoại liên tôn và liên văn hóa: Góp phần vào đối thoại giữa các tôn giáo, giữa truyền thống và hiện đại, giữa Đông và Tây, đề xuất giải pháp Phật giáo cho các vấn đề toàn cầu như bạo lực, bất bình đẳng, môi trường sinh thái, xung đột.

5.2. Thành tựu về giáo dục và tổ chức

Hệ thống Giáo dục Phật giáo hiện đại:** Xây dựng thành công hệ thống giáo dục Phật giáo từ sơ cấp đến đại học và sau đại học: Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Huế, TP.HCM, Cần Thơ; 35 Trường Trung Cấp Phật học, 8 lớp Cao đẳng, đào tạo hàng vạn tăng ni có trình độ cao, am hiểu cả Phật học lẫn thế học.

Hoằng pháp lợi sanh đa dạng: Ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện truyền thông hiện đại trong hoằng pháp. Biên soạn, dịch thuật, xuất bản hàng ngàn đầu sách Phật học có giá trị.

Triết học Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ XV đến nay là một dòng chảy liên tục nhưng đa dạng, uyển chuyển thích nghi với mọi hoàn cảnh lịch sử. Từ chỗ suy giảm vị thế chính thống và dung hợp sâu vào đời sống dân gian, đến sự chấn hưng mạnh mẽ đầu thế kỷ XX và sự phát triển năng động, nhập thế sâu sắc trong thời hiện đại, triết học Phật giáo Việt Nam đã không ngừng tự làm mới mình. Đặc điểm nổi bật là tính thực tiễn, ứng dụng cao; sự dung hợp bền vững với văn hóa dân tộc; và đặc biệt là tinh thần nhập thế tích cực vì lợi ích cộng đồng và dân tộc. Thành tựu lớn nhất của giai đoạn này là đã xây dựng được một

nền Phật giáo thống nhất, có tổ chức vững mạnh (GHPGVN), hệ thống giáo dục bài bản, đội ngũ tăng tài đông đảo, và đóng góp thiết thực, hiệu quả trên nhiều mặt của đời sống xã hội, đạo đức, văn hóa. Tư tưởng triết học Phật giáo Việt Nam hiện đại, với trọng tâm là đạo đức ứng dụng, chính niệm, từ bi và trách nhiệm xã hội, tiếp tục là nguồn lực tinh thần quan trọng, góp phần giải quyết những thách thức của thời đại và kiến tạo một xã hội an lạc, hòa bình.

Thay lời kết

Vốn là một hệ thống tư tưởng hình thành rất sớm và gắn bó máu thịt với dân tộc, triết học Phật giáo Việt Nam không đơn thuần là sự sao chép giáo lý Ấn Độ hay Trung Hoa, mà là một quá trình tiếp biến chọn lọc sáng tạo, dung hợp với tín ngưỡng bản địa và đáp ứng nhu cầu tâm linh, văn hóa, chính trị của dân tộc Việt. Từ đầu Công nguyên đến nay, nó đã để lại dấu ấn sâu sắc, tạo nên những đặc điểm riêng và thành tựu triết học độc đáo.

Triết học Phật giáo Việt Nam là thực thể tinh thần Việt sinh động, một dòng chảy liên tục, sống động và sáng tạo trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Đặc điểm nổi bật là tính dung hợp linh hoạt với văn hóa bản địa và Tam giáo, tinh thần nhập thế "cư trần lạc đạo" và "hộ quốc an dân" sâu sắc, cùng bản sắc Thiền tông giản dị, thực tiễn, đậm tính dân tộc.

Thành tựu lớn nhất của triết học Phật giáo Việt Nam không chỉ dừng lại ở những công trình lý luận xuất sắc hay những kiệt tác nghệ thuật, mà chính là việc được hiện thực hóa, góp phần quyết định xây dựng nền tảng tư tưởng độc lập - tự chủ, định hình hệ giá trị đạo đức và nhân cách con người Việt Nam, đồng thời luôn là nguồn lực tinh thần quan trọng trong công cuộc dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước. Tư tưởng triết học Phật giáo Việt Nam mãi là một trong những trụ cột tinh thần, một di sản trí tuệ vô giá, tiếp tục tỏa sáng và đóng góp vào hành trình phát triển của dân tộc và nhân loại trong thế kỷ XXI.

Tác giả: **TS Thích nữ Thanh Quế - TT TS Thích Hạnh Tuệ**

Tài liệu tham khảo:

- [1]. DT. Suzuki - Erich From Richard de Martino (2017), Thiền và phân tâm học, Nxb Hồng Đức.
- [2]. Đoàn Thị Thu Vân (1996), Khảo sát đặc trưng nghệ thuật của thơ Thiền Việt Nam thế kỷ XI-thế kỷ XV, Trung tâm nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học.
- [3]. Nguyễn Công Lý (1997), Bản sắc dân tộc trong văn học Thiền tông thời Lý - Trần, Nxb Văn hoá thông tin.

- [4]. Nguyễn Đăng Thục (1966), Thiền học Việt Nam, Lá Bối.
- [5]. Nguyễn Phú Trọng, Lời kêu gọi gửi đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài về công tác phòng, chống đại dịch Covid-19, Báo điện tử Chính phủ, Hà Nội, 2021
- [6]. Thích Minh Châu (1993), Đại Tạng Kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.
- [7]. Thích Nhất Hạnh (2009), Trái tim của Trúc Lâm đại sĩ, Nxb Phương Đông
- [8]. Thích Hạnh Tuệ (2020), Văn học Phật giáo Việt Nam một hướng tiếp cận, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
- [9]. Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế (2022), Thiền học Việt Nam, Nxb Phụ nữ Việt Nam.
- [10]. Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế (2022), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- [11]. Tổng tập văn học Việt Nam (2017), tập 2, Nxb KHXH, HN
- [12]. Quyết định ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030, Số: 841/QĐ-TTg. ký ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ
- [13]. Hồ Chí Minh (1960), Phát huy tinh thần cầu học cầu tiến. Nxb Sự Thật, Hà Nội
- [14]. Hồ Chí Minh (1984), Toàn tập, Tập II. Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [15]. Viện Văn học (1989), Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, Nxb KHXH, Hà Nội
- [16]. Samuel Enoch Stumpf (1994), Lịch sử triết học và các luận đề, nxb Lao động
- [17]. David E Cooper (2005), Các trường phái triết học trên thế giới, Nxb Văn hóa thông tin, Lưu Văn Hy... dịch